



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 03/2023



**NTB
LEGAL**



**72C Nguyễn Khang, Yên
Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội**



**024.2322.5888
0943.996.589**



<http://ntblegal.vn/>

MỤC LỤC

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC	1
1. Thông tư 13/2023/TT-BTC: Sửa quy định về thuế GTGT.....	1
2. 4 điểm mới của Nghị quyết 30 về thanh toán BHYT, đấu thầu trong y tế.....	2
3. Từ 1-3-2023 sẽ triển khai cấp Hộ chiếu phổ thông có gắn chip điện tử cho công dân Việt Nam....	4
4. Thêm 07 án lệ chính thức áp dụng từ ngày 27/3/2023.....	5
GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT	6
1. Thủ tục gia hạn nộp thuế GTGT, TNCN, TTĐB năm 2023?	6
2. Sang tên Sổ đỏ 2023: Chi phí bao nhiêu? Ai được miễn thuế, phí khi thực hiện sang tên Sổ đỏ theo quy định hiện nay?.....	8
3. Không ký vào biên bản của cảnh sát giao thông do vi phạm nồng độ cồn thì có bị xử phạt vi phạm hành chính không?.....	10
4. Đối tượng nào phải chịu thuế GTGT trong thuế nhà thầu năm 2023? Thuế giá trị gia tăng trong thuế nhà thầu được tính như thế nào?	12
THỦ TỤC LÀM HỘ CHIẾU PHỔ THÔNG ONLINE	15
VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 03/2023	18

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC**1. Thông tư 13/2023/TT-BTC: Sửa quy định về thuế GTGT**

Thông tư 13/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số quy định về thuế giá trị gia tăng được Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 28/02/2023, trong đó, có sửa quy định hoàn thuế GTGT.

Theo đó, Thông tư 13/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 219/2013/TT-BTC như sau:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 7: Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế GTGT thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 49/2022/NĐ-CP.

Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng.

a) Giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng được quy định cụ thể như sau:

a.1) Trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).

a.2) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất trúng đấu giá.

a.3) Trường hợp thuê đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).

Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng quy định tại điểm a.1 và điểm a.3 khoản này là số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

.... (Xem thêm tại Nghị định 49/2022/NĐ-CP)

- Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 7: Giá tính thuế đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 49/2022/NĐ-CP.

Giá tính thuế đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn điện lực Việt Nam như sau:

a) Đối với điện của các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy thủy điện được tính bằng 35% giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.

b) Đối với điện của các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy nhiệt điện là giá bán điện cho khách hàng ghi trên hóa đơn theo hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng nhà máy nhiệt điện.

Trường hợp chưa có hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng nhà máy nhiệt điện thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.

c) Đối với điện của các công ty sản xuất điện (trừ thủy điện, nhiệt điện) hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy sản xuất điện là giá bán điện chưa có thuế giá trị gia tăng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện.

Trường hợp chưa có giá bán điện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện nêu tại điểm này thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.

- Thay thế khoản 2, khoản 3 Điều 18 bằng nội dung: Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 49/2022/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a.4 khoản 2 Điều 28 Thông tư 80/2021/TT-BTC:

Cụ thể, đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 49/2022/NĐ-CP:

Bản sao một trong các hình thức Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận về kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

(Hiện hành, Bản sao Giấy phép kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định 209/2013/NĐ-CP). Thông tư 13/2023/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 14/4/2023

2. 4 điểm mới của Nghị quyết 30 về thanh toán BHYT, đấu thầu trong y tế

Điểm mới thứ nhất, Nghị quyết 30/NQ-CP đã sửa đổi Khoản 4 của Nghị quyết 144/NQ-CP ngày 5/11/2022 của Chính phủ, cho phép tiếp tục thanh toán chi phí khám

bệnh, chữa bệnh BHYT đối với các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng máy do nhà thầu cung cấp sau khi trúng thầu vật tư, hóa chất theo kết quả

lựa chọn nhà thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đấu thầu. Cụ thể:

+ Đối với các hợp đồng được ký trước 05/11/2022: thực hiện theo thời hạn của hợp đồng.

+ Đối với các hợp đồng được ký từ ngày 05/11/2022: thực hiện đến khi có văn bản quy phạm pháp luật về vấn đề này, bao gồm cả các hợp đồng được ký theo hình thức mua sắm trực tiếp.

+ Trường hợp hết hạn hợp đồng thì được tiếp tục thanh toán cho đến khi sử dụng hết vật tư, hóa chất đã mua.

Trong Nghị quyết 144 trước đó có quy định cho phép tiếp tục thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT của các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng máy do nhà thầu cung cấp sau khi trúng thầu vật tư, hóa chất theo kết quả lựa chọn nhà thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 5/11/2022.

Tuy nhiên, thời hạn thực hiện theo thời gian đã quy định thực hiện hợp đồng ký trước ngày 5/11/2022 hoặc không quá 12 tháng, tức là không quá ngày 5/11/2023.

Tại Nghị quyết 30/NQ-CP, có quy định với các hợp đồng được ký trước ngày 5/11/2022 sẽ tiếp tục thực hiện theo thời hạn của hợp đồng.

Còn với các hợp đồng được ký từ ngày 5/11/2022 được tiếp tục thực hiện đến khi có văn bản quy phạm pháp luật quy định về vấn đề này (không còn thời hạn đến 5/11/2023), bao gồm cả các hợp đồng được ký theo hình thức mua sắm trực tiếp.

Quy định này sẽ lấp khoảng thời gian trống về mặt pháp lý trong thực hiện vấn đề này từ sau ngày 5/11/2023 đến khi Luật Khám chữa

bệnh sửa đổi có hiệu lực và có các văn bản hướng dẫn theo quy định.

Cho phép thay đổi xác định giá các gói thầu mua sắm y tế

Điểm mới thứ hai của Nghị quyết 30/NQ-CP là cho phép thay đổi xác định giá các gói thầu trong mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế.

Hiện nay, có những gói thầu trang thiết bị, vật tư y tế không thể tìm được 2-3 báo giá do đó là nhà phân phối độc quyền hoặc không có thẩm định giá.

Nghị quyết 30/NQ-CP đã quy định, chủ đầu tư xác định giá gói thầu căn cứ dựa trên tài liệu sau:

- Giá thị trường được tham khảo từ báo giá của nhà cung cấp theo các hình thức sau:

+ Chủ đầu tư gửi thông báo mời chào giá với yêu cầu kỹ thuật lên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến về quản lý trang thiết bị y tế (<https://dmec.moh.gov.vn>) hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu trong thời gian tối thiểu 10 ngày.

Hết thời gian thông báo mời chào giá, chủ đầu tư căn cứ số báo giá nhận được để làm cơ sở xây dựng giá gói thầu.

Trường hợp chỉ có 1 hoặc 2 nhà phân phối hoặc doanh nghiệp cung cấp báo giá thì được sử dụng các báo giá đã nhận để làm cơ sở xây dựng giá gói thầu.

+ Chủ đầu tư cũng được phép lấy báo giá trực tiếp từ nhà phân phối trong trường hợp chỉ có một nhà phân phối hoặc để bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà phân phối khác.

- Giá trúng thầu của gói mua sắm trang thiết bị y tế tương tự trong thời gian trước đó gần nhất, tối đa không quá 120 ngày.

Hội đồng khoa học quyết định lựa chọn sản phẩm chất lượng

Điểm mới thứ ba, với những trang thiết bị, vật tư y tế cùng chủng loại nhưng có nhiều nhà phân phối, nhiều hãng sản xuất khác nhau, Nghị quyết 30/NQ-CP cho phép chủ đầu tư xem xét, quyết định việc giao Hội đồng Khoa học của đơn vị thực hiện việc xây dựng tính năng, cấu hình kỹ thuật theo yêu cầu chuyên môn của đơn vị. Trên cơ sở tính năng, cấu hình kỹ thuật do Hội đồng Khoa học xây dựng, đơn vị tổ chức lấy báo giá.

Nghị quyết 30/NQ-CP hướng tới việc trước tiên phải lựa chọn được sản phẩm đạt yêu cầu về chuyên môn, sau đó mới xây dựng báo giá để giảm giá gói thầu, đồng thời cũng sẽ

loại bỏ trừ được những sản phẩm không đảm bảo chất lượng.

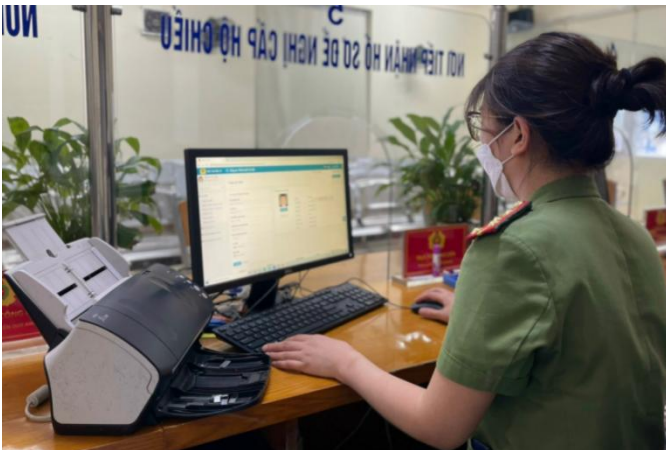
Gỡ vướng về máy liên doanh, liên kết; mua sắm vật tư theo máy

Điểm mới thứ tư, Nghị quyết 30/NQ-CP cũng cho phép các cơ sở y tế được sử dụng các trang thiết bị y tế đã được cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ (bao gồm các trang thiết bị y tế liên doanh, liên kết đã hết thời hạn hợp đồng) nhưng chưa hoàn thành thủ tục xác lập sở hữu toàn dân để khám bệnh, chữa bệnh.

Các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng trang thiết bị y tế này được quỹ BHYT thanh toán.

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ y tế cung cấp từ các trang thiết bị y tế này và được sử dụng kinh phí của cơ sở để bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế trong quá trình sử dụng.

3. Từ 1-3-2023 sẽ triển khai cấp Hộ chiếu phổ thông có gắn chip điện tử cho công dân Việt Nam



Theo thông tin từ Cục Xuất nhập cảnh, Bộ Công an, từ 1-3-2023, Bộ Công an sẽ triển khai cấp Hộ chiếu phổ thông có gắn chip điện tử cho công dân Việt Nam theo Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

Cục Xuất nhập cảnh cho biết Hộ chiếu gắn chip điện tử là điều kiện tiên quyết và là cơ sở để tự động hóa công tác kiểm soát cửa khẩu, tạo thuận lợi cho việc đi lại, xuất nhập cảnh giữa các nước.

Người được cấp hộ chiếu gắn chip điện tử sẽ được phía nước ngoài ưu tiên khi xét duyệt cấp thị thực nhập cảnh. Hiện nay, trên thế giới có trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ sử dụng hộ chiếu điện tử.

Hộ chiếu gắn chip điện tử có tính bảo mật thông tin cao, vì được lưu trữ trong con chip, rất khó sao chép thông tin.

Việc phát hành hộ chiếu điện tử không những tạo điều kiện cho người dân trong hoạt động xuất nhập cảnh mà còn phù hợp với Chính phủ điện tử tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế xã hội; nâng cao vị thế của hộ chiếu Việt Nam, thúc đẩy quá trình hội nhập của Việt Nam trong khu vực và thế giới.

Hộ chiếu phổ thông không gắn chip điện tử và hộ chiếu phổ thông có gắn chip điện tử được sử dụng song hành. Khi nộp hồ sơ đề nghị cấp hộ

chiếu, công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên có quyền được lựa chọn cấp hộ chiếu không gắn chip điện tử hoặc cấp hộ chiếu có gắn chip điện tử.

Công dân Việt Nam đã được cấp hộ chiếu phổ thông không gắn chip điện tử sẽ được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn của hộ chiếu, không bắt buộc phải đổi sang hộ chiếu có gắn chip điện tử.

4. Thêm 07 án lệ chính thức áp dụng từ ngày 27/3/2023

Theo đó, công bố thêm 07 án lệ mới, được áp dụng xét xử từ ngày 27/03/2023, gồm:

- Án lệ số 57/2023/AL về hành vi gian dối nhằm tiếp cận tài sản trong tội “Cướp giật tài sản”;
- Án lệ số 58/2023/AL về tình tiết định khung hình phạt tại Điểm c Khoản 3 Điều 244 của Bộ luật Hình sự;
- Án lệ số 59/2023/AL về lỗi cố ý gián tiếp trong vụ án “Giết người”;
- Án lệ số 60/2023/AL về thời hạn trả thưởng xử số kiến thiết;
- Án lệ số 61/2023/AL về chấm dứt việc nuôi con nuôi khi con nuôi chưa thành niên;
- Án lệ số 62/2023/AL về thời điểm bắt đầu

thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong vụ án tranh chấp về xác định cha cho con;

- Án lệ số 63/2023/AL về xem xét quyết định hành chính có liên quan đến hành vi hành chính bị khiếu kiện.

Việc áp dụng án lệ được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019 về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ.

07 án lệ này được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào các ngày 01, 02, 03 tháng 02 năm 2023.

Xem nội dung án lệ tại Quyết định 39/QĐ-CA có hiệu lực kể từ ngày ký.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT**1. Thủ tục gia hạn nộp thuế GTGT, TNCN, TTĐB năm 2023?**

Bộ Tài chính ban hành Quyết định 115/QĐ-BTC ngày 06/02/2023 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Theo đó, thủ tục gia hạn nộp thuế GTGT, TNCN, TTĐB năm 2023 quy định như sau:

1. Điều kiện gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, tiêu thụ đặc biệt năm 2023

Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định và điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế tại Thông tư 19/2021/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

2. Hồ sơ gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, tiêu thụ đặc biệt năm 2023

Thành phần, số lượng hồ sơ gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, tiêu thụ đặc biệt năm 2023:

Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế của người nộp thuế theo mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC.

- Tùy từng trường hợp, hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế phải có thêm các tài liệu sau:

+ Trường hợp do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ quy định tại điểm a khoản 27 Điều 3 Luật Quản lý thuế, phải có:

(1) Tài liệu xác nhận về thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

(2) Văn bản xác định giá trị vật chất bị thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu;

(3) Văn bản (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường thiệt hại (nếu có);

(4) Các chứng từ (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) liên quan đến việc bồi thường thiệt hại (nếu có).

+ Trường hợp bất khả kháng khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 126/2020/NĐ-CP, phải có:

(1) Văn bản xác định giá trị vật chất bị thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu;

(2) Tài liệu xác định về thời gian, địa điểm xảy ra bất khả kháng của cơ quan có thẩm quyền;

(3) Tài liệu chứng minh người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp do chiến tranh, bạo loạn, đình công mà người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

(4) Tài liệu chứng minh việc gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ

quan của người nộp thuế và người nộp thuế không có khả năng nguồn tài chính nộp ngân sách nhà nước đối với trường hợp bị thiệt hại do gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

(5) Các chứng từ (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) liên quan đến việc bồi thường thiệt hại của cơ quan bảo hiểm (nếu có).

(6) Trường hợp di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 62 Luật Quản lý thuế, phải có:

(7) Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

(8) Đề án hoặc phương án di dời, trong đó thể hiện rõ kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế).

Lưu ý: Số lượng hồ sơ 01 (bộ)

3. Trình tự gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, tiêu thụ đặc biệt năm 2023

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn nộp thuế lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoán thu.

Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

- Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, gửi qua đường bưu chính công chức thuế tiếp nhận và giải quyết hồ sơ và trả kết quả theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra,

chấp nhận hồ sơ thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;
- Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;
- Hoặc gửi hồ sơ điện tử đến cơ quan thuế qua giao dịch điện tử (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN).

Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế chưa đầy đủ theo quy định hoặc phát hiện có dấu hiệu sai phạm về giá trị vật chất bị thiệt hại trong hồ sơ do người nộp thuế tự xác định hoặc các sai sót khác, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT Nghị định 126/2020/NĐ-CP đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế đầy đủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế phải ban hành Thông báo không chấp thuận gia hạn nộp thuế (mẫu số 03/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC) đối với trường hợp không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế;

Quyết định gia hạn nộp thuế (mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC) đối với trường hợp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế.

2. Sang tên Sổ đỏ 2023: Chi phí bao nhiêu? Ai được miễn thuế, phí khi thực hiện sang tên Sổ đỏ theo quy định hiện nay?



CHI PHÍ SANG TÊN SỔ ĐỎ? AI ĐƯỢC MIỄN THUẾ, PHÍ?

Hiện nay khái niệm "Sổ đỏ" chưa được định nghĩa cụ thể tại các văn bản pháp luật. Tuy nhiên, có thể hiểu, sổ đỏ là Giấy chứng nhận do Bộ Tài Nguyên và Môi trường ban hành trước ngày 10/12/2009 với tên gọi pháp lý là "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất."

Căn cứ theo các quy định tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP, Thông tư 85/2019/TT-BTC, Luật Phí và lệ phí 2015, Thông tư 257/2016/TT-BTC, Thông tư 111/2013/TT-BTC, khi thực hiện sang tên Sổ đỏ, có các khoản phí, lệ phí phải nộp như sau:

(1) Lệ phí trước bạ

Mức thu lệ phí trước bạ đối với nhà, đất hiện nay là 0,5%.

(2) Phí thẩm định hồ sơ

- Phí thẩm định hồ sơ cấp Sổ đỏ là khoản thu đối với công việc thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ đảm bảo việc thực hiện cấp Sổ đỏ. Bao gồm:

- + Cấp lần đầu;
- + Cấp mới;

+ Cấp đổi;

+ Cấp lại.

- Căn cứ quy mô diện tích của thửa đất, tính chất phức tạp của từng loại hồ sơ, mục đích sử dụng đất và điều kiện cụ thể của địa phương để quy định mức thu phí cho từng trường hợp.

(3) Lệ phí cấp Sổ đỏ

- Lệ phí cấp Sổ đỏ là khoản thu mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Sổ đỏ.

- Lệ phí cấp Sổ đỏ gồm: Cấp giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động về đất đai; trích lục bản đồ địa chính; văn bản; số liệu hồ sơ địa chính.

- Lệ phí cấp Sổ đỏ hiện nay do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Do đó, mức thu của từng tỉnh, thành phố là khác nhau.

(4) Phí công chứng, chứng thực

Mức thu phí công chứng hợp đồng được xác định như sau:

Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
Dưới 50 triệu đồng	50 nghìn
Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100 nghìn
Từ trên 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng	0,1% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch
Từ trên 01	01 triệu đồng + 0,06% của

tỷ đồng đến 03 tỷ đồng	phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 01 tỷ đồng
Từ trên 03 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	2,2 triệu đồng + 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 03 tỷ đồng
Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	3,2 triệu đồng + 0,04% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 05 tỷ đồng
Từ trên 10 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	5,2 triệu đồng + 0,03% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 10 tỷ đồng.
Trên 100 tỷ đồng	32,2 triệu đồng + 0,02% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 100 tỷ đồng (mức thu tối đa là 70 triệu đồng/trường hợp).

(5) Thuế thu nhập cá nhân

- Thuế suất đối với mua bán đất là 2% trên giá mua, bán hoặc giá cho thuê lại.

- Cách tính thuế:

+ Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ mua, bán đất được xác định như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 2%

+ Trường hợp mua bán đất là đồng sở hữu thì nghĩa vụ thuế được xác định riêng cho từng người nộp thuế theo tỷ lệ sở hữu bất động sản.

Sang tên Sổ đỏ 2023: Chi phí bao nhiêu? Ai được miễn thuế, phí khi thực hiện sang tên Sổ đỏ theo quy định hiện nay? (Hình từ Internet)

Ai được miễn thuế, phí khi thực hiện sang tên Sổ đỏ theo quy định hiện nay?

Các trường hợp được miễn thuế, phí khi thực hiện sang tên Sổ đỏ được xác định như sau:

(1) Miễn lệ phí trước bạ

Căn cứ khoản 10 Điều 10 Nghị định 10/2022/NĐ-CP, các trường hợp được miễn lệ phí trước bạ khi sang tên Sổ đỏ giữa những đối tượng sau:

- Vợ với chồng.
- Cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ.
- Cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi.
- Cha chồng, mẹ chồng với con dâu.
- Cha vợ, mẹ vợ với con rể.
- Ông nội, bà nội với cháu nội.
- Ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại.
- Anh, chị, em ruột với nhau.

(2) Miễn thuế thu nhập cá nhân

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 111/2013/TT-BTC, các trường hợp được miễn thuế TNCN bao gồm:

- Sang tên giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; bố vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau.

- Đất do vợ hoặc chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân được xác định là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn được phân chia theo thỏa thuận hoặc do tòa án phán quyết thì việc phân chia tài sản này thuộc diện được miễn thuế.

- Thu nhập từ chuyển nhượng mà người sang tên chỉ có duy nhất một nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

- Nhận thừa kế, quà tặng giữa: vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội, ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau.

(3) Miễn, giảm lệ phí thẩm định, phí cấp Sổ đỏ

Theo khoản 1 Điều 6 Thông tư 85/2019/TT-BTC, các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối tượng được miễn, giảm; mức giảm đối với các khoản phí, lệ phí.

Để thực hiện sang tên Sổ đỏ, cần đáp ứng những điều kiện nào?

Căn cứ quy định tại Điều 188 Luật Đất đai 2013, để thực hiện sang tên Sổ đỏ, cần thỏa mãn 04 điều kiện sau:

- Có Sổ đỏ;

Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 186 Luật Đất đai 2013 và trường hợp nhận thừa kế quy định tại khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai 2013.

- Đất không có tranh chấp;

- Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

- Trong thời hạn sử dụng đất.

3. Không ký vào biên bản của cảnh sát giao thông do vi phạm nồng độ cồn thì có bị xử phạt vi phạm hành chính không?



Căn cứ theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt thì hiện không có quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không ký vào biên bản của cảnh sát giao thông.

Tuy nhiên, đối với trường hợp người vi phạm nồng độ cồn khi tham gia giao thông không chấp hành ký vào biên bản và có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn với cảnh sát giao thông thì có thể xem đây là hành vi chống đối người thi hành công vụ. Cụ thể tại Điều 330 Bộ luật Hình sự 2015 có quy định như sau:

Tội chống người thi hành công vụ

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội;
- d) Gây thiệt hại về tài sản 50.000.000 đồng trở lên;
- đ) Tái phạm nguy hiểm.

Theo đó, đối với hành vi trên thì cá nhân sẽ bị xếp vào tội chống người thi hành công vụ và có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Trong một số trường hợp cụ thể theo quy định trên thì mức truy cứu hình sự có thể từ 02 năm đến 07 năm tù.

Không ký vào biên bản của cảnh sát giao thông thì người vi phạm có phải nộp phạt cho hành vi vi phạm hay không?

Căn cứ Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi bởi khoản 29 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi 2020) quy định như sau:

Lập biên bản vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

Vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa thì người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi

tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga.

2. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

3. Biên bản vi phạm hành chính có nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm lập biên bản;
- b) Thông tin về người lập biên bản, cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- c) Thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả vụ việc, hành vi vi phạm;
- d) Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại;
- đ) Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính;
- e) Quyền và thời hạn giải trình.

4. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký, trừ trường hợp biên bản được lập theo quy định tại khoản 7 Điều này.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Theo quy định thì người vi phạm nếu không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của

người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Như vậy, trong trường hợp người vi phạm không chịu ký vào biên bản của cảnh sát giao thông thì biên bản được lập theo quy định trên vẫn có hiệu lực pháp luật, người vi phạm vẫn phải đóng phạt đối với lỗi vi phạm của mình.

4. Đối tượng nào phải chịu thuế GTGT trong thuế nhà thầu năm 2023? Thuế giá trị gia tăng trong thuế nhà thầu được tính như thế nào?



Ai là người nộp thuế GTGT trong thuế nhà thầu năm 2023?

Theo quy định tại Điều 1 Thông tư 103/2014/TT-BTC, trừ những trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I Thông tư 103/2014/TT-BTC, thuế nhà thầu được áp dụng đối với các đối tượng sau:

(1) Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu

phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.

(2) Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở Hợp đồng ký giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài với các doanh nghiệp tại Việt Nam (trừ trường hợp gia công và xuất trả hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) hoặc thực hiện phân phối hàng hóa tại Việt Nam hoặc cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào đến lãnh thổ Việt Nam.

Đối tượng nào phải chịu thuế GTGT trong thuế nhà thầu năm 2023? Thuế giá trị gia tăng trong thuế nhà thầu được tính như thế nào?

Thuế nhà thầu được hiểu là loại thuế áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài và nhà thầu phụ nước ngoài khi kinh doanh hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Căn cứ theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng 2008 thì hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế GTGT, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 Luật Thuế

giá trị gia tăng 2008, cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 103/2014/TT-BTC:

Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I Thông tư 103/2014/TT-BTC), bao gồm:

- Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp tại Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam;

- Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp ngoài Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam.

Thuế giá trị gia tăng trong thuế nhà thầu được tính như thế nào?

Theo quy định tại Điều 12 Thông tư 103/2014/TT-BTC thì thuế GTGT trong thuế nhà thầu xác định như sau:

Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu.

Số thuế GTGT phải nộp = Doanh thu tính thuế Giá trị gia tăng x tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu.

Trong đó:

(1) Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với

dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí đốt theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư 103/2014/TT-BTC như sau:

hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

- Doanh thu tính thuế GTGT đối với một số trường hợp cụ thể được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư 103/2014/TT-BTC.

(2) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh được quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 103/2014/TT-BTC:

Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5
Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa; xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	3
Hoạt động kinh doanh khác	2

Ngoài ra, tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với một số trường hợp khác được quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 103/2014/TT-BTC.

Thuế GTGT đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp hàng hóa,

- Trường hợp Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí đốt nếu

không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Thông tư 103/2014/TT-BTC thì Bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay thuế GTGT trước khi thanh toán. Số thuế nộp thay tính bằng tổng số tiền thanh toán chưa bao gồm thuế GTGT nhân (x) với mức thuế suất thuế GTGT quy định đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu nước ngoài cung cấp.

- Trường hợp Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí đốt đáp ứng được ba điều kiện nêu tại Điều 8 Thông tư 103/2014/TT-BTC hoặc đáp ứng hai điều kiện nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Thông tư 103/2014/TT-BTC và tổ chức hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính:

+ Trong thời gian Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài chưa được cơ quan thuế cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế để khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nếu Bên Việt Nam thanh toán tiền cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thì Bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ nộp thay thuế GTGT trước khi thanh toán. Số thuế nộp thay tính bằng tổng số tiền thanh toán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nhân (x) với mức thuế suất thuế giá trị gia tăng quy định đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu nước ngoài cung cấp.

+ Khi Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài được cơ quan thuế cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế thì Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài chuyển hóa đơn, chứng từ phát sinh trong kỳ khai thuế GTGT cho Bên Việt Nam để Bên Việt Nam khai khấu

trừ, nộp thay thuế GTGT cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài.

Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào phát sinh trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế.

THỦ TỤC LÀM HỘ CHIẾU PHỔ THÔNG ONLINE

Thủ tục làm hộ chiếu phổ thông online qua Cổng dịch vụ công Bộ Công an

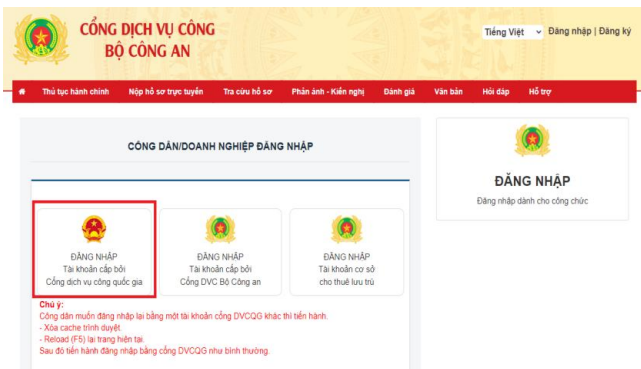
Bước 1: Truy cập vào Cổng dịch vụ công Bộ Công an qua đường dẫn <https://dichvucong.bocongan.gov.vn/>



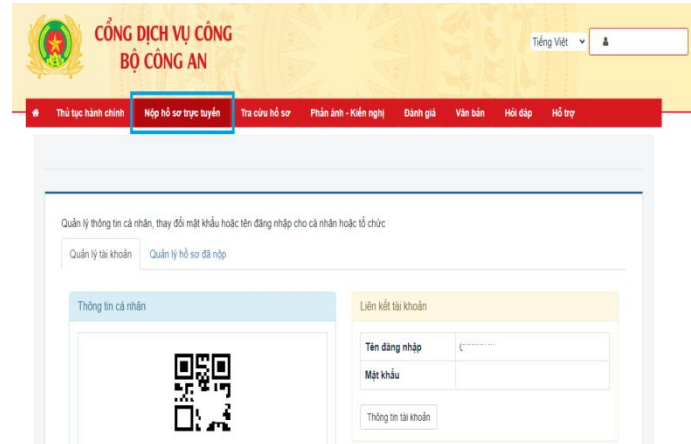
Bước 2: Đăng nhập tài khoản dịch vụ công quốc gia



Bước 3: Đăng nhập tài khoản cấp bởi Cổng dịch vụ công quốc gia



Bước 4: Chọn Mục “Nộp hồ sơ trực tuyến”



Bước 5: Chọn dịch vụ công thực hiện

Người dân tại ô tìm kiếm trên phải màn hình nhập cụm từ “Hộ chiếu”. Sau đó chọn mục “Tìm kiếm”



Bước 6: Chọn cấp hộ chiếu phổ thông tương ứng với dịch vụ thực hiện

Người dân chọn bộ thủ tục tương ứng với nhu cầu:

- Nộp hồ sơ tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp tỉnh (nơi thường trú, tạm trú hoặc nơi thuận lợi): Công dân cấp hộ chiếu lần đầu, cấp hộ chiếu từ lần thứ hai;

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

- *Nộp hồ sơ tại cấp trung ương (Cục Quản lý xuất nhập cảnh tại Hà Nội hoặc TP. Hồ Chí Minh): Công dân cấp hộ chiếu từ lần thứ hai.*

Bước 7: Chọn Mục “Nộp hồ sơ”

Bước 8: Chọn “Cơ quan giải quyết hồ sơ” phù hợp sau đó chọn “Đồng ý và tiếp tục”

Bước 9: Nộp hồ sơ trực tuyến

Người dân tại Mục “hồ sơ trực tuyến” thực hiện cập nhật và tải lên các ảnh, thông tin tương ứng

Lưu ý:

Người dân có thể chọn nhận hộ chiếu tại Mục “Tiếp nhận hồ sơ đăng ký” theo 02 cách sau:

- Nhận trực tiếp;
- Nhận qua bưu chính

Đối với thông tin về hồ sơ dung lượng tải lên không được quá 6MB/1 tệp tin

NƠI TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

Hướng dẫn chọn nơi nộp hồ sơ:
- Nộp hồ sơ tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp tỉnh (nơi thường trú, tạm trú hoặc nơi thuận lợi); Công dân cấp hộ chiếu lần đầu, cấp hộ chiếu từ lần thứ hai;
- Nộp hồ sơ tại cấp trung ương (Cục Quản lý xuất nhập cảnh tại Hà Nội hoặc TP. Hồ Chí Minh); Công dân cấp hộ chiếu từ lần thứ hai.

Thành phần hồ sơ

Quý khách cung cấp các giấy tờ theo yêu cầu của Thành phần hồ sơ bên dưới (Lưu ý chỉ được phép upload ảnh theo định dạng jpeg) Chỉ tiết hướng dẫn thành phần hồ sơ xem [tại đây](#). Sau khi thực hiện xong, nhấn Đồng ý và Tiếp tục.

Tệp tin tải lên có dung lượng không quá 6MB

Bước 10: Nộp hồ sơ

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

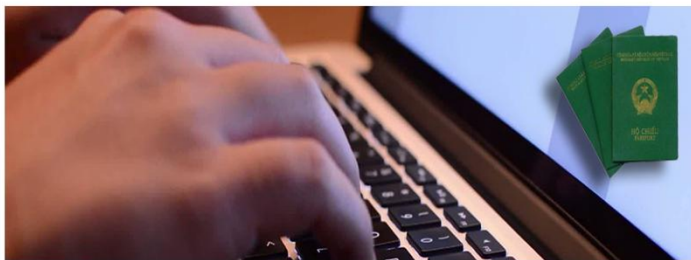
Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

Thủ tục làm hộ chiếu phổ thông online qua Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh Việt Nam

Bước 1: Người dân thực hiện việc đăng ký cấp hộ chiếu qua đường dẫn <https://hochieu.xuatnhapcanh.gov.vn/>



Bước 2: Khai thông tin tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu

Tại trang chủ nhấn vào ô “Chọn mục này để khai thông tin tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu”



Bước 3: Điền tờ khai

Bước 4: Nộp tờ khai

Người dân chọn nộp tờ khai và nhận Mã số tờ khai

Lưu ý: Khi nhận mã số tờ khai người dân phải đến cơ quan đăng ký nộp hồ sơ và cung cấp mã số tờ khai.

4. Lệ phí cấp hộ chiếu

Số thứ tự 1 Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư 25/2021/TT-BTC như sau:

Nội dung	Mức thu (Đồng/lần cấp)
Lệ phí cấp hộ chiếu (bao gồm hộ chiếu gắn chip điện tử và hộ chiếu không gắn chip điện tử)	
Cấp mới	200.000
Cấp lại do bị hỏng hoặc bị mất	400.000
Cấp giấy xác nhận yếu tố nhân sự	100.000

VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 03/2023

STT	TÊN VĂN BẢN LUẬT	NGÀY
1	Luật Phòng, chống rửa tiền 2022	BH: 15/11/2022 HL: 01/03/2023
2	Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022	BH: 11/01/2022 HL: 01/03/2022
NGHỊ QUYẾT		
1	Nghị quyết 28/NQ-CP năm 2023 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo do Chính phủ ban hành	BH: 01/03/2023 HL: 01/03/2023
2	Nghị quyết 30/NQ-CP năm 2023 về tiếp tục thực hiện giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế do Chính phủ ban hành	BH: 04/03/2023 HL: 04/03/2023
3	Nghị quyết 31/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 2 năm 2023	BH: 07/03/2023 HL: 07/03/2023
4	Nghị quyết 71/2022/QH15 về Nội quy kỳ họp Quốc hội	BH: 15/11/2022 HL: 15/03/2023
NGHỊ ĐỊNH		
1	Nghị định 109/2022/NĐ-CP quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
2	Nghị định 07/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế	BH: 03/03/2023 HL: 03/03/2023
3	Nghị định 08/2023/NĐ-CP sửa đổi và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế	BH: 05/03/2023 HL: 05/03/2023
4	Nghị định 02/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Tài nguyên nước	BH: 01/02/2023 HL: 20/03/2023
THÔNG TƯ		
1	Thông tư 01/2023/TT-BXD quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng	BH: 16/01/2023 HL: 10/03/2023
2	Thông tư 01/2023/TT-BTP quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành	BH: 16/01/2023 HL: 03/03/2023
3	Thông tư 02/2023/TT-BCA quy định về công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ	BH: 13/01/2023 HL: 03/03/2023

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.comWebsite: <http://ntblegal.vn/>

	Công an ban hành	
4	Thông tư 01/2023/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 04/2015/TT-NHNN quy định về Quỹ tín dụng nhân dân do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	BH: 01/03/2023 HL: 01/03/2023
5	Thông tư 27/2022/TT-NHNN sửa đổi Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	BH: 31/12/2022 HL: 01/03/2023
6	Thông tư 20/2022/TT-BYT về Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	BH: 31/12/2022 HL: 01/03/2023
7	Thông tư 44/2022/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 11/2020/TT-BGTVT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
8	Thông tư 49/2022/TT-BGTVT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
9	Thông tư 50/2022/TT-BGTVT quy định về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
10	Thông tư 37/2022/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 31/2020/TT-BGTVT quy định khung giá dịch vụ sử dụng phà thuộc tuyến quốc lộ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do Trung ương quản lý do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
11	Thông tư 22/2022/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 05/2018/TT-NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
12	Thông tư 19/2022/TT-NHNN hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Ngân hàng trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực Ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
13	Thông tư 21/2022/TT-NHNN hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
14	Thông tư 38/2022/TT-BGTVT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tìm kiếm cứu nạn	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023

	hàng hải, thông tin an ninh hàng hải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	
15	Thông tư 39/2022/TT-BGTVT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
16	Thông tư 36/2022/TT-BGTVT hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
17	Thông tư 40/2022/TT-BGTVT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng hải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
18	Thông tư 41/2022/TT-BGTVT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
19	Thông tư 42/2022/TT-BGTVT hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giao thông vận tải trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
20	Thông tư 43/2022/TT-BGTVT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường thủy do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
21	Thông tư 45/2022/TT-BGTVT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành đăng kiểm do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
22	Thông tư 46/2022/TT-BGTVT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
23	Thông tư 47/2022/TT-BGTVT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, chuyên ngành kỹ thuật bến phà do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
24	Thông tư 51/2022/TT-BGTVT hướng dẫn Nghị định 135/2021/NĐ-CP quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính thuộc ngành Giao thông vận tải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 01/03/2023
25	Thông tư 52/2022/TT-BGTVT quy định về bảo vệ môi trường trong	BH: 30/12/2022

	hoạt động hàng không dân dụng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	HL: 01/03/2023
26	Thông tư 27/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn sự tham gia của trẻ em vào hoạt động ngoài gia đình, ngoài cơ sở giáo dục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	BH: 29/12/2022 HL: 01/03/2023
27	Thông tư 28/2022/TT-BLĐTBXH sửa đổi Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	BH: 28/12/2022 HL: 01/03/2023
28	Thông tư 18/2022/TT-BVHTTDL sửa đổi Thông tư 09/2011/TT-BVHTTDL quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành	BH: 28/12/2022 HL: 01/03/2023
29	Thông tư 35/2022/TT-BGTVT bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 27/12/2022 HL: 01/03/2023
30	Thông tư 37/2022/TT-BCT về quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	BH: 23/12/2022 H.: 01/03/2023
31	Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBXH quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	BH: 30/11/2022 HL: 01/03/2023
32	Thông tư 13/2022/TT-BYT về quy trình, biểu mẫu giám định pháp y, thời hạn, nhân lực thực hiện giám định pháp y do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	BH: 30/11/2022 HL: 01/03/2023
33	Thông tư 07/2023/TT-BQP hướng dẫn thực hiện Nghị định 120/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu và Nghị định 37/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành	BH: 27/01/2023 HL: 14/03/2023
34	Thông tư 25/2022/TT-BTNMT quy định về Quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/03/2023
35	Thông tư 03/2023/TT-BGDĐT về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	BH: 06/02/2023 HL: 18/03/2023
36	Thông tư 04/2023/TT-BTC hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 19/01/2023 HL: 19/03/2023
37	Thông tư 07/2023/TT-BTC về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản	BH: 02/02/2023

	lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	HL: 20/03/2023
38	Thông tư 06/2023/TT-BTC sửa đổi Thông tư 36/2018/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 31/01/2023 HL: 20/03/2023
39	Thông tư 08/2023/TT-BTC bãi bỏ Thông tư 86/2016/TT-BTC hướng dẫn nội dung về Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định 19/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 07/02/2023 HL: 24/03/2023
40	Thông tư 02/2022/TT-BXD về QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành	BH: 26/09/2022 HL: 26/03/2023
41	Thông tư 10/2023/TT-BTC sửa đổi Thông tư 133/2015/TT-BTC hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 08/02/2023 HL: 27/03/2023
42	Thông tư 11/2023/TT-BTC hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 09/02/2023 HL: 31/03/2023
43	Thông tư 30/2022/TT-BNNPTNT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 31/03/2023
QUYẾT ĐỊNH		
1	Quyết định 74/QĐ-BCT năm 2023 về kết quả rà soát lần thứ hai việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá sản phẩm nhôm có xuất xứ từ Trung Hoa do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	BH: 16/9/2022 HL: 01/01/2023
2	Quyết định 208/QĐ-TTg năm 2023 phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái do Thủ tướng Chính phủ ban hành	BH: 10/03/2023 HL: 10/03/2023
3	Quyết định 1331/QĐ-BYT về Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm năm 2023 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	BH: 10/03/2023 HL: 10/03/2023
4	Quyết định 809/QĐ-BNN-PC về Kế hoạch công tác pháp chế năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	BH: 09/03/2023 HL: 09/03/2023
5	Quyết định 1300/QĐ-BYT năm 2023 Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	BH: 09/03/2023 HL: 09/03/2023
6	Quyết định 1323/QĐ-BYT năm 2023 về kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến	BH: 09/03/2023 HL: 09/03/2023

	năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	
7	Quyết định 206/QĐ-TTg năm 2023 sửa đổi Quyết định 1292/QĐ-TTg phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo do Thủ tướng Chính phủ ban hành	BH: 09/03/2023 HL: 09/03/2023
8	Quyết định 151/QĐ-QLD năm 2023 về sửa đổi thông tin thuốc được cấp, gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam kèm theo các Quyết định cấp, gia hạn giấy đăng ký lưu hành của Cục Quản lý Dược	BH: 08/03/2023 HL: 08/03/2023
9	Quyết định 13/QĐ-BCĐCCHC về Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ	BH: 08/03/2023 HL: 08/03/2023
10	Quyết định 143/QĐ-BXD năm 2023 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết 148/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành	BH: 08/03/2023 HL: 08/03/2023
11	Quyết định 202/QĐ-TTg năm 2023 về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội do Thủ tướng Chính phủ ban hành	BH: 08/03/2023 HL: 08/03/2023
12	Quyết định 576/QĐ-BCT về Kế hoạch tăng cường thực hiện Chương trình hành động hưởng ứng Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" năm 2023 do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	BH: 07/03/2023 HL: 07/03/2023
13	Quyết định 305/QĐ-BTC năm 2023 phê duyệt kết thúc Dự án "Tài chính công cho trẻ em" sử dụng viện trợ không hoàn lại của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 07/03/2023 HL: 07/03/2023
14	Quyết định 38/QĐ-YDCT năm 2023 công bố Danh mục thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu có giấy đăng ký lưu hành được tiếp tục sử dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 80/2023/QH15 (Đợt 1) do Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền ban hành	BH: 07/03/2023 HL: 07/03/2023
15	Quyết định 61/QĐ-UBQLV năm 2023 phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Chủ tịch Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp ban hành	BH: 07/03/2023 HL: 07/03/2023
16	Quyết định 178/QĐ-BGTVT năm 2023 phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch hạng mục công trình trong phạm vi xây dựng giai đoạn 1 của Cảng hàng không quốc tế Long Thành do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 06/03/2023 HL: 06/03/2023
17	Quyết định 02/2023/QĐ-KTNN về Quy định lập, thẩm định và ban hành kế hoạch kiểm toán năm, kế hoạch kiểm toán trung hạn của Kiểm toán Nhà nước	BH: 09/02/2022 HL: 26/03/2023